



GIÁO TRÌNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN (DÙNG CHO KHỐI NGÀNH KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH)

Biên tập bởi:

PGS. TS. Phạm Văn Dũng

GIÁO TRÌNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN (DÙNG CHO KHỐI NGÀNH KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH)

Biên tập bởi:

PGS. TS. Phạm Văn Dũng

Các tác giả:

unknown

Phiên bản trực tuyến:

<http://voer.edu.vn/c/513675e9>

MỤC LỤC

1. Phần mở đầu

1.1. Chương I: Đối tượng, phương pháp và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin

1.2. Chương II: Tái sản xuất xã hội và tăng trưởng kinh tế

1.3. Chương III: Hàng hoá và tiền tệ

2. Phần thứ nhất: Phương thức sản xuất Tư bản Chủ nghĩa

2.1. Chương IV: Sản xuất giá trị thặng dư - quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản

2.2. Chương V: Tuần hoàn và chu chuyển tư bản

2.3. Chương VI: Tái sản xuất tư bản xã hội

2.4. Chương VII: Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư

2.5. Chương VIII: Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước

3. Phần thứ hai: Những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa Xã hội ở Việt Nam

3.1. Chương IX: Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

3.2. Chương X: Sở hữu tư liệu sản xuất và nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.3. Chương XI: Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế quốc dân trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.4. Chương XII: Kinh tế nông thôn trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.5. Chương XIII: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

3.6. Chương XIV: Tài chính, tín dụng, ngân hàng và lưu thông tiền tệ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.7. Chương XV: Lợi ích kinh tế và phân phối thu nhập trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.8. Chương XVI: Kinh tế đối ngoại trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Tham gia đóng góp

Phần mở đầu

Chương I: Đối tượng, phương pháp và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

Đối tượng của kinh tế chính trị Mác - Lênin

Lịch sử cho thấy quá trình hình thành và phát triển môn kinh tế chính trị có những nhận thức khác nhau về đối tượng nghiên cứu. Chủ nghĩa trọng thương cho rằng, đối tượng nghiên cứu của môn kinh tế chính trị là lĩnh vực lưu thông mà chủ yếu là ngoại thương. Chủ nghĩa trọng nông chuyển đối tượng nghiên cứu từ lĩnh vực lưu thông sang lĩnh vực sản xuất, nhưng lại chỉ giới hạn ở sản xuất nông nghiệp. Kinh tế chính trị tư sản cổ điển xác định kinh tế chính trị là khoa học khảo sát về bản chất và nguyên nhân của sự giàu có, có những phát hiện nhất định về những quy luật kinh tế chi phối nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nhưng lại coi các quy luật của chủ nghĩa tư bản là quy luật của quá trình lao động nói chung của loài người, phủ định tính chất lịch sử của chủ nghĩa tư bản. Một số nhà kinh tế học hiện đại ở các nước tư bản chủ nghĩa lại tách chính trị khỏi kinh tế, biến kinh tế chính trị thành khoa học kinh tế thuần túy, che đậy quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và mâu thuẫn giai cấp trong chủ nghĩa tư bản.

Quan niệm của chủ nghĩa Mác về đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị được thể hiện rõ trong tác phẩm *Chống Duyrinh* của Ph.Ăngghen. Ph.Ăngghen đã nhấn mạnh: "Kinh tế chính trị học, theo nghĩa rộng nhất, là khoa học về những quy luật chi phối sự sản xuất và sự trao đổi những tư liệu sinh hoạt vật chất trong xã hội loài người... Những điều kiện trong đó người ta sản xuất sản phẩm và trao đổi chúng, đều thay đổi tùy từng nước, và trong mỗi nước, lại thay đổi tùy từng thế hệ. Bởi vậy không thể có cùng một môn kinh tế chính trị duy nhất cho tất cả mọi nước và cho tất cả mọi thời đại lịch sử được... Vậy môn kinh tế chính trị, về thực chất là một môn khoa học *có tính chất lịch sử*. Nó nghiên cứu tư liệu có tính chất lịch sử, nghĩa là một tư liệu luôn luôn thay đổi; nó nghiên cứu trước hết là những quy luật đặc thù của từng giai đoạn phát triển của sản xuất và của trao đổi, và chỉ sau khi nghiên cứu như thế xong xuôi rồi nó mới có thể xác định ra một vài quy luật hoàn toàn có tính chất chung, thích dụng, nói chung, cho sản xuất và trao đổi... Chẳng hạn như việc dùng tiền kim loại đã làm cho một loạt quy luật phát huy tác dụng, những quy luật này có hiệu lực cho bất cứ nước nào và bất cứ giai đoạn lịch sử nào mà tiền kim loại được dùng làm phương tiện trao đổi"

. C. Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t. 20, tr. 207 - 208.

Phương thức phân phối sản phẩm cũng phụ thuộc vào phương thức sản xuất và trao đổi của một xã hội nhất định trong lịch sử, vào những tiền đề lịch sử của xã hội đó. Tuy vậy, phân phối không chỉ đơn thuần là một kết quả thụ động của sản xuất và trao đổi, nó cũng có tác động trở lại đối với sản xuất và trao đổi.

Theo nghĩa hẹp, kinh tế chính trị nghiên cứu sự phát sinh, phát triển của một phương thức sản xuất nhất định và tính tất yếu của sự thay thế phương thức sản xuất đó bằng một phương thức sản xuất cao hơn. Tác phẩm *Tư bản* của C. Mác là một kiểu mẫu về kinh tế chính trị theo nghĩa hẹp, trong đó phân tích sự phát sinh, phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, nêu lên những nhân tố phủ định của chủ nghĩa tư bản và sự chuẩn bị những tiền đề cho sự ra đời của phương thức sản xuất mới. Trong lời tựa viết cho lần xuất bản thứ nhất tác phẩm này, C. Mác đã xác định đối tượng nghiên cứu là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những quan hệ sản xuất và trao đổi thích ứng với phương thức ấy và mục đích cuối cùng của tác phẩm này là tìm ra quy luật vận động kinh tế của xã hội hiện đại.

V.I. Lênin cũng xác định: Kinh tế chính trị "tuyệt nhiên không nghiên cứu "sự sản xuất" mà nghiên cứu những quan hệ xã hội giữa người với người trong sản xuất, nghiên cứu chế độ xã hội của sản xuất" và phê phán quan điểm cho rằng kinh tế chính trị là khoa học về kinh tế hàng hoá tư bản chủ nghĩa.

Như vậy, kinh tế chính trị nghiên cứu quan hệ xã hội của con người hình thành trong quá trình sản xuất và tái sản xuất của cái vật chất và vạch rõ những quy luật điều tiết sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng những của cải đó trong những trình độ nhất định với sự phát triển xã hội loài người. Tóm lại, *đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị là phương thức sản xuất hay nói cách khác là nó nghiên cứu các quan hệ sản xuất trong mối liên hệ và sự tác động lẫn nhau với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng.*

Các quan hệ sản xuất phải phù hợp một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất, sự phát triển của lực lượng sản xuất dẫn đến sự biến đổi của quan hệ sản xuất và quan hệ sản xuất tác động trở lại lực lượng sản xuất, đẩy nhanh hoặc kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Kinh tế chính trị không nghiên cứu bản thân đối tượng lao động và tư liệu lao động mà nghiên cứu việc phát triển lực lượng sản xuất trong mức độ làm rõ sự phát triển của quan hệ sản xuất do sự phát triển của lực lượng sản xuất quyết định. Nó cũng không nghiên cứu bản thân của cái vật chất, mà nghiên cứu quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng những của cải này.

Kinh tế chính trị cũng quan tâm đến mối liên hệ giữa quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng, bởi vì các quan hệ sản xuất là cơ sở của kiến trúc thượng tầng và kiến trúc thượng tầng, nhất là quan hệ chính trị, pháp luật, v.v. tác động trở lại quan hệ sản xuất và đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, biểu hiện rõ nhất là vai trò kinh tế của nhà nước trong xã hội hiện đại.

Kinh tế chính trị nghiên cứu quan hệ sản xuất trong mối liên hệ và tác động với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng, nhưng không phải là nghiên cứu những biểu hiện bề ngoài của các hiện tượng kinh tế mà đi sâu vạch rõ bản chất, tìm ra những mối liên hệ và sự lệ thuộc bên trong của các hiện tượng và quá trình kinh tế trên cơ sở đó hình thành các phạm trù và khái niệm như hàng hoá, tiền tệ, tư bản, thu nhập quốc dân, v.v.. Kết quả cao nhất của sự phân tích khoa học các quan hệ sản xuất, các quá trình kinh tế nói chung là phát hiện ra các quy luật, tính quy luật kinh tế và sự tác động của chúng nhằm mục đích ứng dụng một cách có hiệu quả trong thực tiễn.

Quy luật kinh tế phản ánh những mối liên hệ nhân quả bản chất, tất yếu, thường xuyên lặp đi lặp lại của các hiện tượng và quá trình kinh tế. Cũng như các quy luật tự nhiên, các quy luật kinh tế có tính khách quan, không lệ thuộc vào ý chí và nhận thức chủ quan của con người. Nhưng, khác với quy luật tự nhiên, quy luật kinh tế chỉ xuất hiện trong quá trình hoạt động kinh tế của con người. Vì vậy quy luật kinh tế có tính lịch sử, nó chỉ tồn tại trong những điều kiện lịch sử nhất định. Có những quy luật kinh tế tồn tại trong mọi phương thức sản xuất, gọi là quy luật chung (như quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, quy luật tiết kiệm thời gian, quy luật nâng cao nhu cầu, v.v.). Lại có những quy luật kinh tế chỉ tác động trong một số hình thái kinh tế - xã hội nhất định, như quy luật giá trị, quy luật lưu thông tiền tệ, v.v., đó là những quy luật đặc thù.

Cần chú ý rằng, quy luật kinh tế và chính sách kinh tế là hai vấn đề khác nhau.

Chính sách kinh tế là tổng thể các biện pháp kinh tế của nhà nước nhằm tác động vào các ngành kinh tế theo những mục tiêu nhất định trong một thời gian nhất định. Nó là một khái niệm thuộc hoạt động chủ quan của nhà nước. Khi tình hình kinh tế thay đổi thì chính sách kinh tế cũng thay đổi theo. Nó có thể được nhà nước sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện sau khi đã được ban hành. Nghiên cứu kinh tế chính trị chưa phải là nghiên cứu chính sách kinh tế, nhưng việc nghiên cứu các chính sách kinh tế đòi hỏi phải nghiên cứu kinh tế chính trị, dựa trên cơ sở khoa học của kinh tế chính trị.

Cần phân biệt kinh tế chính trị với các môn kinh tế khác, cụ thể như: kinh tế phát triển, kinh tế nông nghiệp, kinh tế công nghiệp. Giữa kinh tế chính trị và các bộ môn nói trên có sự khác nhau về trình độ khái quát hoá. Những nguyên lý và những quy luật kinh tế do kinh tế chính trị phát hiện có ý nghĩa phổ biến đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân, có thể ứng dụng trong các ngành và các cơ sở kinh tế. Còn những kết luận, những

nguyên lý của các bộ môn kinh tế khác chỉ có thể ứng dụng trong phạm vi ngành hoặc những đơn vị kinh tế thuộc ngành đó.

Kinh tế chính trị là bộ môn khoa học cơ bản, cung cấp những nguyên lý lý luận cho các bộ môn khoa học kinh tế khác. Đồng thời, nó định hướng cho các hoạt động thực tiễn kinh tế. Ý nghĩa thực tiễn và sức sống của kinh tế chính trị thể hiện ở chỗ các phạm trù, quy luật, nguyên lý của nó phản ánh sát thực tiễn kinh tế - xã hội của đất nước.

Cần có sự nhận thức đúng về sự giống nhau giữa kinh tế chính trị Mác- Lênin và kinh tế học. Không ít người đã đối lập một cách cực đoan hai môn khoa học này. Nghiên cứu lịch sử các học thuyết kinh tế cho thấy hai môn khoa học này có chung một nguồn gốc, hay nói khác, đều nằm trong dòng phát triển của lịch sử các học thuyết kinh tế. Trong dòng lịch sử đó, kinh tế học là một nhánh "phái sinh" của kinh tế chính trị tư sản, nên nó chịu ảnh hưởng của A. Smith và D. Ricardo và thích ứng với yêu cầu lịch sử cụ thể của chủ nghĩa tư bản.

Ưu điểm của kinh tế chính trị Mác - Lênin ở chỗ phát hiện những nguyên lý chung và những quy luật trừu tượng chi phối quá trình sản xuất xã hội. Còn kinh tế học tuy phiến diện nhưng lại có ưu điểm là vận dụng phương pháp tiếp cận tình huống (case study) và minh họa bằng đồ thị, biểu đồ gắn với những hiện tượng cụ thể diễn ra trên bề mặt xã hội. Bởi vậy, không nên đối lập một cách cực đoan kinh tế học với kinh tế chính trị Mác - Lênin. Thái độ đúng đắn nhất là nắm vững những nguyên lý của kinh tế chính trị Mác - Lênin, coi đó là nền tảng phương pháp của các môn khoa học kinh tế khác, và tiếp thu có phê phán, có chọn lọc những thành tựu khoa học của kinh tế học làm phong phú thêm kinh tế chính trị Mác - Lênin. C. Mác đã khẳng định học thuyết của mình là hệ thống kinh tế chính trị "mở" biến chứng và phát triển không ngừng.

Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin

Để nhận thức hiện thực khách quan và tái hiện đối tượng nghiên cứu vào tư duy, cấu thành một hệ thống những phạm trù và quy luật, khoa học kinh tế chính trị cũng sử dụng phép biện chứng duy vật và những phương pháp khoa học chung như mô hình hoá các quá trình và hiện tượng nghiên cứu, xây dựng các giả thuyết, tiến hành thử nghiệm, quan sát thống kê, trừu tượng hoá, phân tích và tổng hợp, phương pháp hệ thống... Đó là những phương pháp được sử dụng cả trong khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Tuy nhiên, khác với các môn khoa học tự nhiên, kinh tế chính trị không thể tiến hành các phương pháp thực nghiệm trong phòng thí nghiệm mà chỉ có thể thử nghiệm trong đời sống hiện thực, trong các quan hệ xã hội hiện thực. Các thử nghiệm về kinh tế đụng chạm đến lợi ích của con người, vì vậy kiểm tra những giải pháp, thử nghiệm cụ thể chỉ được tiến hành trong những phạm vi rất hạn chế. Do vậy, phương pháp quan trọng của kinh tế chính trị là trừu tượng hoá khoa học. Phương pháp trừu tượng hoá khoa học đòi hỏi gạt bỏ những yếu tố ngẫu nhiên xảy ra trong những quá trình và những hiện tượng được nghiên cứu, tách ra những cái điển hình, bền vững, ổn định trong những hiện tượng

và quá trình đó, trên cơ sở ấy nắm được bản chất của các hiện tượng, từ bản chất cấp một tiến đến bản chất ở trình độ sâu hơn, hình thành những phạm trù và những quy luật phản ánh những bản chất đó. Vấn đề quan trọng hàng đầu trong phương pháp này là giới hạn của sự trừu tượng hoá. Việc loại bỏ những cái cụ thể nằm trên bề mặt của cuộc sống phải bảo đảm tìm ra được mối quan hệ bản chất giữa các hiện tượng dưới dạng thuần túy nhất của nó; đồng thời phải bảo đảm không làm mất nội dung hiện thực của các quan hệ được nghiên cứu; không được tùy tiện, loại bỏ cái không được phép loại bỏ, hoặc ngược lại, giữ lại cái đáng loại bỏ. Giới hạn trừu tượng hoá cần thiết và đầy đủ này được quy định bởi chính đối tượng nghiên cứu. Thí dụ, để vạch ra bản chất của chủ nghĩa tư bản hoàn toàn có thể và cần phải trừu tượng hoá sản xuất hàng hoá nhỏ, mặc dù nó thực sự tồn tại với mức độ ít hoặc nhiều ở tất cả các nước tư bản chủ nghĩa, nhưng không được trừu tượng hoá bản thân quan hệ hàng hoá - tiền tệ, bởi vì tư bản lấy quan hệ hàng hoá - tiền tệ làm hình thái tồn tại của mình; hơn nữa, càng không được trừu tượng hoá việc chuyển hoá sức lao động thành hàng hoá, bởi vì không có hàng hoá - sức lao động thì chủ nghĩa tư bản không còn là chủ nghĩa tư bản nữa.

Trừu tượng hoá khoa học gắn liền với quá trình nghiên cứu đi từ cụ thể đến trừu tượng, nhờ đó nêu lên những khái niệm, phạm trù và vạch ra những mối quan hệ giữa chúng, phải được bổ sung bằng một quá trình ngược lại - đi từ trừu tượng đến cụ thể. Cái cụ thể này không còn là những hiện tượng hỗn độn, ngẫu nhiên mà là bức tranh có tính quy luật của đời sống xã hội.

Phương pháp trừu tượng hoá khoa học cũng đòi hỏi gắn liền với phương pháp kết hợp logic với lịch sử.

Bởi lẽ, lịch sử bắt đầu từ đâu thì quá trình tư duy logic cũng phải bắt đầu từ đó. Theo cách nói của Ph. Ăngghen, sự vận động tiếp tục của nó chẳng qua là sự phản ánh quá trình lịch sử dưới một hình thái trừu tượng và nhất quán về lý luận. Nó là sự phản ánh đã được uốn nắn, nhưng uốn nắn theo những quy luật mà bản thân quá trình lịch sử hiện thực đã cung cấp.

CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC -LÊNIN VÀ SỰ CẦN THIẾT NGHIÊN CỨU NÓ

Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin, có quan hệ mật thiết với hai bộ phận kia là triết học và chủ nghĩa xã hội khoa học. Kinh tế chính trị Mác - Lênin là biểu hiện mẫu mực của sự vận dụng quan điểm duy vật lịch sử vào sự phân tích kinh tế. Kinh tế chính trị Mác - Lênin thực hiện những chức năng sau đây:

Chức năng nhận thức

Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp những tri thức về sự vận động của các quan hệ sản xuất, về sự tác động lẫn nhau giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng, về những quy luật kinh tế của xã hội trong những trình độ phát triển khác nhau của xã hội. Đó là chìa khoá để nhận thức lịch sử phát triển của sản xuất vật chất và lịch sử phát triển của xã hội loài người nói chung, về chủ nghĩa tư bản nói riêng để giải thích các hiện tượng và quá trình kinh tế đang diễn ra trong thực tiễn; phân tích nguyên nhân và dự báo triển vọng, chiều hướng phát triển kinh tế và xã hội.

Những tri thức do kinh tế chính trị cung cấp là cơ sở khoa học để đề ra đường lối, chính sách kinh tế tác động vào hoạt động kinh tế, định hướng cho sự phát triển kinh tế và cũng là cơ sở nhận thức sâu sắc đường lối, chính sách kinh tế.

Chức năng thực tiễn

Giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhận thức: nghiên cứu các quy luật kinh tế là để thực hiện nhiệm vụ cải tạo thế giới. Các học thuyết kinh tế chính trị của Các Mác trang bị cho công nhân và nhân dân lao động một công cụ đấu tranh giai cấp mạnh mẽ, giúp họ nhận rõ sứ mệnh lịch sử của mình. Kinh tế chính trị tuy không đưa ra những giải pháp cụ thể cho mọi tình huống trong cuộc sống, nhưng nó vạch ra những quy luật và những xu hướng phát triển chung, cung cấp những tri thức và nếu thiếu chúng sẽ không giải quyết được tốt những vấn đề cụ thể. Khi quần chúng đã nắm vững lý luận khoa học thì lý luận khoa học sẽ trở thành lực lượng vật chất. Tính khoa học và cách mạng của kinh tế chính trị Mác - Lênin là những yếu tố quyết định hành động thực tiễn của người học, nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn đó, nhất là trong công cuộc xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa.

Chức năng phương pháp

Kinh tế chính trị là nền tảng lý luận cho một tổ hợp các khoa học kinh tế, trong đó có các khoa học kinh tế ngành, như kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, vận tải, lao động, tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng... Ngoài ra, nó còn là cơ sở lý luận cho một loạt khoa học kinh tế nằm giáp ranh giữa các tri thức ngành khác nhau, như địa lý kinh tế, nhân khẩu học... Đối với các khoa học kinh tế nói trên, kinh tế chính trị thực hiện chức năng phương pháp luận, nghĩa là cung cấp nền tảng lý luận khoa học, mang tính đảng cho các môn khoa học kinh tế cụ thể.

Chức năng tư tưởng

Trên cơ sở nhận thức khoa học về quy luật vận động và phát triển của chủ nghĩa tư bản, kinh tế chính trị Mác - Lênin đã góp phần đặc lực xây dựng thế giới quan cách mạng và niềm tin sâu sắc của người học vào cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân nhằm xoá bỏ áp bức bóc lột giai cấp và dân tộc, xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa, làm

cho niềm tin có một căn cứ khoa học vững chắc đủ sức vượt qua khó khăn, kể cả những thất bại tạm thời trong quá trình phát triển của cách mạng. Kinh tế chính trị Mác - Lênin, cùng với các bộ phận hợp thành khác của chủ nghĩa Mác - Lênin, là vũ khí tư tưởng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh chống áp bức bóc lột, xây dựng chế độ xã hội mới.

Sự cần thiết phải nghiên cứu kinh tế chính trị Mác - Lênin

Kinh tế chính trị Mác - Lênin có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay, yêu cầu học tập, nghiên cứu kinh tế chính trị Mác - Lênin càng được đặt ra một cách bức thiết, nhằm khắc phục sự lạc hậu về lý luận kinh tế, sự giáo điều, tách rời lý luận với cuộc sống, góp phần hình thành tư duy kinh tế mới.

Nước ta đang xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, do đó những kiến thức, khái niệm, phạm trù, quy luật... của kinh tế thị trường mà kinh tế chính trị đưa ra là cực kỳ cần thiết không chỉ đối với quản lý kinh tế vĩ mô, mà còn cần thiết cho việc quản lý sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp và các tầng lớp dân cư.

Đối với sinh viên ở các trường kinh tế, học tập kinh tế chính trị Mác - Lênin để có cơ sở lý luận và phương pháp luận nhằm học tập tốt các môn khoa học kinh tế khác vì các môn kinh tế khác đều phải dựa vào các kiến thức, các phạm trù kinh tế và các quy luật mà kinh tế chính trị Mác - Lênin nêu ra.

Nói về tầm quan trọng của việc học tập kinh tế chính trị và khoa học xã hội nói chung, Đại hội VII của Đảng đặt ra yêu cầu cải tiến nội dung và phương pháp nghiên cứu giảng dạy khoa học xã hội, trước hết là chủ nghĩa Mác - Lênin theo hướng lý luận gắn chặt với thực tiễn, nâng cao năng lực thực hành, khoa học xã hội phải trở thành công cụ sắc bén trong việc đổi mới tư duy, xây dựng ý thức và nhân cách xã hội chủ nghĩa, khắc phục những tư tưởng sai lầm... Đại hội lần thứ IX của Đảng đã nhấn mạnh: Khoa học xã hội và nhân văn tập trung nghiên cứu những luận cứ cho việc tạo động lực phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới sâu rộng, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nhằm thực hiện dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và đi lên chủ nghĩa xã hội. Đến Đại hội X, Đảng ta nêu rõ: "Phát triển khoa học xã hội hướng vào việc tiếp tục góp phần làm sáng tỏ những nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, giải đáp những vấn đề mới của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bước đi công nghiệp hoá, hiện đại hoá..."

. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 98-99.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác-Lênin là gì? Vì sao nó phải nghiên cứu quan hệ sản xuất trong sự tác động qua lại với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng?
2. Quy luật kinh tế là gì? phân tích đặc điểm của quy luật kinh tế và cơ cấu hệ thống các quy luật kinh tế của một phương thức sản xuất nhất định.
3. Trình bày các phương pháp của kinh tế chính trị Mác-Lênin. Hãy lấy ví dụ về sự vận dụng các phương pháp đó.
4. Phân tích các chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Chương II: Tái sản xuất xã hội và tăng trưởng kinh tế

SẢN XUẤT XÃ HỘI

Vai trò của sản xuất xã hội và các yếu tố cơ bản của quá trình lao động sản xuất

Sản xuất của cải vật chất là cơ sở của đời sống xã hội

Từ khi xuất hiện, con người đã tiến hành các hoạt động khác nhau như: kinh tế, xã hội, văn hoá, ... trong đó hoạt động kinh tế luôn luôn giữ vị trí trung tâm và là cơ sở cho các hoạt động khác... Xã hội càng phát triển, các hoạt động càng phong phú, đa dạng và phát triển ở trình độ cao hơn. Để tiến hành các hoạt động nói trên, trước hết con người phải tồn tại. Muốn tồn tại con người phải có thức ăn, đồ mặc, nhà ở, phương tiện đi lại và các thứ cần thiết khác. Để có những thứ đó, con người phải tạo ra chúng, tức là phải sản xuất và không ngừng sản xuất với quy mô ngày càng mở rộng. Xã hội sẽ không thể tồn tại nếu ngừng hoạt động sản xuất. Bởi vậy, sản xuất của cải vật chất là cơ sở của đời sống xã hội loài người và là hoạt động cơ bản nhất trong tất cả các hoạt động của con người. Sản xuất vật chất là sự tác động của con người vào tự nhiên, nhằm biến đổi nó cho phù hợp với nhu cầu của mình.

Xã hội loài người càng phát triển, các ngành sản xuất phi vật thể ngày càng tăng, nhưng vai trò quyết định của sản xuất vật chất không hề suy giảm. Sản xuất vật chất là cơ sở tồn tại và phát triển của con người và xã hội loài người. Đây là một quan điểm duy vật hết sức cơ bản và khoa học. Quan điểm này là cơ sở để xem xét, giải thích nguồn gốc sâu xa của mọi hiện tượng kinh tế - xã hội, đồng thời nó giúp chúng ta thấy được căn nguyên cơ bản của quá trình phát triển của lịch sử xã hội loài người là sự thay đổi của các phương thức sản xuất vật chất.

Các yếu tố cơ bản của quá trình lao động sản xuất

Bất kỳ một quá trình sản xuất nào cũng đều là sự kết hợp của ba yếu tố: Sức lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.

Sức lao động và lao động:

Sức lao động là "toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong một cơ thể, trong một con người đang sống, và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó"

. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 1993, t.23, tr.251.

Sức lao động là khả năng lao động của con người, là điều kiện tiên quyết của mọi quá trình sản xuất và là lực lượng sản xuất sáng tạo chủ yếu của xã hội. Nhưng sức lao động mới chỉ là khả năng của lao động, còn lao động là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực.

Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm làm thay đổi những vật thể tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của con người.

Lao động là hoạt động bản chất nhất và là phẩm chất đặc biệt của con người, nó khác với hoạt động theo bản năng của con vật. C. Mác viết: "Con nhện làm những động tác giống như động tác của người thợ dệt, và bằng việc xây dựng những ngăn tổ sập của mình, con ong còn làm cho một số nhà kiến trúc phải hổ thẹn. Nhưng điều ngay từ đầu phân biệt nhà kiến trúc tồi nhất với con ong giỏi nhất là trước khi xây dựng những ngăn tổ ong bằng sáp, nhà kiến trúc đã xây dựng chúng ở trong đầu óc của mình rồi"

. Sđd, tr.266-267.

Lao động không chỉ tạo ra của cải vật chất để nuôi sống con người mà còn cải tạo bản thân con người, phát triển con người cả về mặt thể lực và trí lực. "Trong khi tác động vào tự nhiên ở bên ngoài thông qua sự vận động đó và làm thay đổi tự nhiên, con người cũng đồng thời làm thay đổi bản tính của chính nó"

. Sđd, tr.266.

Hoạt động lao động không những biến đổi tự nhiên, mà còn hoàn thiện, phát triển ngay cả bản thân con người. Trong quá trình lao động, con người tích lũy được kinh nghiệm sản xuất, làm giàu tri thức của mình, hoàn thiện cả thể lực và trí lực.

Sức lao động là nhân tố chủ yếu của sức sản xuất của xã hội. Sản xuất vật chất càng tiến bộ thì càng nâng cao vai trò của nhân tố con người trong hoạt động và phát triển sản xuất. Ngày nay cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại vừa tạo điều kiện, vừa đặt ra những yêu cầu mới đối với sức sáng tạo của lao động. Mặt khác, nó đòi hỏi phải nâng cao trình độ văn hoá, khoa học, chuyên môn, nghiệp vụ của người lao động một cách tương xứng, theo hướng ngày càng tăng vai trò của lao động trí tuệ. Bởi vậy "quốc sách hàng đầu là phải phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ và văn hoá".

Đối tượng lao động:

Đối tượng lao động là bộ phận của giới tự nhiên mà lao động của con người tác động vào làm thay đổi hình thái của nó cho phù hợp với mục đích của con người.

Đối tượng lao động có thể chia thành hai loại:

- Loại có sẵn trong tự nhiên như gỗ trong rừng, quặng trong lòng đất, tôm cá dưới sông biển... con người chỉ cần tách chúng khỏi mối liên hệ trực tiếp với tự nhiên là dùng được. Loại này thường là đối tượng lao động của các ngành công nghiệp khai thác.

- Loại đã trải qua lao động, được cải biến ít nhiều như bông để kéo sợi, vải để may mặc, than ở trong nhà máy nhiệt điện, sắt thép để chế tạo máy... gọi là nguyên liệu. Loại này là đối tượng lao động của các ngành công nghiệp chế biến.

Mọi nguyên liệu đều là đối tượng lao động, nhưng không phải mọi đối tượng lao động đều là nguyên liệu. Cũng không phải bất kỳ vật thể tự nhiên nào cũng là đối tượng lao động. Nó chỉ trở thành đối tượng lao động khi con người hướng lao động của mình vào, khi nó được đặt trong quá trình lao động.

Sự phát triển của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại cùng với sự tăng cường trao đổi chất giữa xã hội và tự nhiên dẫn đến tăng đáng kể nhu cầu về nguyên vật liệu, năng lượng. Nói chung, đối tượng lao động thuộc dạng thứ nhất đang có xu hướng cạn kiệt, do đó, đòi hỏi con người phải sử dụng tiết kiệm vật liệu, năng lượng ... Con đường tiết kiệm tốt nhất là ứng dụng công nghệ mới hiện đại vào sản xuất. Mặt khác, với sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại lại có thể đưa ra nhiều loại vật liệu mới có chất lượng ngày càng tốt hơn. Hiện nay và trong tương lai không xa, nguyên vật liệu "nhân tạo" ngày càng được sử dụng nhiều, tuy vậy những nguyên liệu "nhân tạo" đó cũng đều bắt nguồn từ tự nhiên.

Tư liệu lao động:

Tư liệu lao động là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động nhằm biến đổi đối tượng lao động theo mục đích của mình.

Tư liệu lao động được chia thành ba loại:

- Công cụ lao động hay công cụ sản xuất giữ vị trí là hệ thống "xương cốt và bắp thịt"

. *Sđđ*, tr. 270.

của sản xuất. Trình độ phát triển của chúng là những dấu hiệu đặc trưng tiêu biểu cho một thời đại sản xuất xã hội nhất định, C. Mác viết: "Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào"

. *Sđđ*, tr. 269.

.

- Tư liệu lao động dùng để bảo quản những đối tượng lao động, gọi chung là "hệ thống bình chứa của sản xuất"

như ống, thùng, vại, giỏ... Loại tư liệu lao động này đóng vai trò quan trọng trong ngành sản xuất hoá chất.

- Tư liệu lao động, với tư cách là kết cấu hạ tầng sản xuất như đường sá, bến cảng, sân bay, phương tiện giao thông vận tải, điện, nước, thủy lợi, bưu điện, thông tin liên lạc... là điều kiện cần thiết đối với quá trình sản xuất. Phát triển kết cấu hạ tầng sản xuất phải đi trước một bước so với đầu tư sản xuất trực tiếp.

Ranh giới giữa tư liệu lao động và đối tượng lao động chỉ có ý nghĩa tương đối. Một vật nào đó là tư liệu lao động hay đối tượng lao động tùy thuộc vào mục đích sử dụng gắn với chức năng mà nó đảm nhận trong quá trình sản xuất.

Đối tượng lao động và tư liệu lao động kết hợp lại thành tư liệu sản xuất. Kết quả của sự kết hợp sức lao động với tư liệu sản xuất là những sản phẩm lao động. Còn lao động tạo ra sản phẩm gọi là lao động sản xuất.

Hai mặt của nền sản xuất xã hội - phương thức sản xuất

Lực lượng sản xuất

Lực lượng sản xuất là toàn bộ những năng lực sản xuất của một xã hội nhất định, ở một thời kỳ nhất định.

Lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ tác động giữa con người với tự nhiên, biểu hiện trình độ sản xuất của con người, năng lực hoạt động thực tiễn của con người trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất.

Lực lượng sản xuất bao gồm tư liệu sản xuất và người lao động với tri thức và phương pháp sản xuất, kỹ năng, kỹ xảo và thói quen lao động của họ. Ngày nay, khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Những thành tựu của khoa học được vật chất hoá trong tư liệu sản xuất, hoặc thông qua kỹ năng của người lao động có hiệu suất cao.

Trong các yếu tố hợp thành lực lượng sản xuất, người lao động là chủ thể, bao giờ cũng là lực lượng sản xuất cơ bản, quyết định nhất của xã hội.

Quan hệ sản xuất

Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng sản phẩm xã hội.

Trong quá trình sản xuất, con người không chỉ có quan hệ với tự nhiên, tác động vào giới tự nhiên, mà còn có quan hệ với nhau, tác động lẫn nhau. Hơn nữa, chỉ có trong quan hệ tác động lẫn nhau thì con người mới có sự tác động vào tự nhiên và mới có sản xuất.

Quan hệ sản xuất là hình thức xã hội của sản xuất, biểu hiện mối quan hệ giữa người với người trên ba mặt chủ yếu sau:

- Quan hệ giữa người với người trong việc chiếm hữu tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội (gọi tắt là quan hệ sở hữu).
- Quan hệ giữa người với người trong việc tổ chức quản lý sản xuất xã hội và trong trao đổi hoạt động cho nhau (gọi tắt là quan hệ tổ chức quản lý).
- Quan hệ giữa người với người trong phân phối và lưu thông sản phẩm xã hội (gọi tắt là quan hệ phân phối lưu thông).

Các mặt nói trên của quan hệ sản xuất có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau, trong đó quan hệ sở hữu giữ vai trò quyết định. Tuy vậy, quan hệ tổ chức quản lý và quan hệ phân phối lưu thông cũng có tác động trở lại quan hệ sở hữu.

Quan hệ sản xuất trong tính hiện thực của nó không phải là những quan hệ ý chí, pháp lý mà là quan hệ kinh tế được biểu hiện thành các phạm trù, quy luật kinh tế.

Quan hệ sản xuất mang tính khách quan, không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người. Sự thay đổi của các kiểu quan hệ sản xuất phụ thuộc vào tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất xã hội.

Phương thức sản xuất

Phương thức sản xuất là phương thức khai thác những của cải vật chất (tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt) cần thiết cho hoạt động tồn tại và phát triển xã hội.

Sự thống nhất và tác động qua lại giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất tạo thành phương thức sản xuất. Trong sự thống nhất biện chứng này, lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất.

Quan hệ sản xuất phải thay đổi cho phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Tuy nhiên, quan hệ sản xuất không phải hoàn toàn thụ động, mà có tác động trở lại lực lượng sản xuất.

Quan hệ sản xuất có thể tác động đến lực lượng sản xuất vì nó quy định mục đích của sản xuất, ảnh hưởng đến lợi ích và thái độ của người lao động trong sản xuất.

Nếu quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất thì nó sẽ thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển; ngược lại, nếu quan hệ sản xuất lỗi thời sẽ kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Tiêu chuẩn căn bản để xem xét một quan hệ sản xuất nhất định có phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất hay không là ở chỗ nó có thể thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, cải thiện đời sống nhân dân và tạo điều kiện thực hiện công bằng xã hội hay không. Trong xã hội có giai cấp, mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất biểu hiện thành mâu thuẫn giữa các giai cấp đối kháng. Mâu thuẫn này tất yếu dẫn đến đấu tranh giai cấp, nổ ra cách mạng xã hội thay thế quan hệ sản xuất cũ, lạc hậu bằng quan hệ sản xuất mới tiến bộ hơn, ra đời phương thức sản xuất cao hơn trong lịch sử. Lịch sử loài người đã trải qua các phương thức sản xuất: công xã nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và đang quá độ lên phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội.

TÁI SẢN XUẤT XÃ HỘI

Tái sản xuất và các kiểu tái sản xuất

Xã hội không thể ngừng tiêu dùng nên không thể ngừng sản xuất. Vì vậy, mọi quá trình sản xuất xét theo tiến trình đời sống không ngừng thì đồng thời là quá trình tái sản xuất. Tái sản xuất là quá trình sản xuất được lặp lại thường xuyên và phục hồi không ngừng.

Có thể phân loại tái sản xuất theo những tiêu chí khác nhau:

- Căn cứ theo phạm vi, có thể chia tái sản xuất thành tái sản xuất cá biệt và tái sản xuất xã hội. Tái sản xuất diễn ra trong từng đơn vị kinh tế, từng xí nghiệp gọi là tái sản xuất cá biệt. Tổng thể của tái sản xuất cá biệt trong mối liên hệ hữu cơ với nhau được gọi là tái sản xuất xã hội.

- Căn cứ vào quy mô, có thể chia tái sản xuất thành tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng.

Tái sản xuất giản đơn là quá trình tái sản xuất được lặp lại với quy mô như cũ. Loại hình tái sản xuất này thường gắn với nền sản xuất nhỏ và là đặc trưng của nền sản xuất nhỏ.

Tái sản xuất mở rộng là quá trình sản xuất được lặp lại với quy mô lớn hơn trước. Loại hình tái sản xuất này thường gắn với nền sản xuất lớn và là đặc trưng của nền sản xuất lớn.

Trong lịch sử, việc chuyển từ tái sản xuất giản đơn lên tái sản xuất mở rộng là một quá trình phát triển lâu dài gắn liền với việc chuyển từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn. Tái sản xuất giản đơn gắn với nền sản xuất nhỏ, năng suất lao động thấp, chỉ đạt mức đủ nuôi sống con người, chưa có hoặc có rất ít sản phẩm thặng dư, những sản phẩm làm ra tiêu dùng hết cho cá nhân. Tái sản xuất mở rộng đòi hỏi xã hội phải đạt trình độ năng

suất lao động vượt ngưỡng của sản phẩm tất yếu và tạo ra sản phẩm thặng dư ngày càng nhiều. Sản phẩm thặng dư là nguồn gốc để tích lũy tái sản xuất mở rộng.

Tái sản xuất mở rộng gồm hai hình thức là tái sản xuất mở rộng theo chiều rộng và tái sản xuất mở rộng theo chiều sâu.

Tái sản xuất mở rộng theo chiều rộng là sự mở rộng quy mô sản xuất, tăng thêm sản phẩm làm ra nhờ sử dụng nhiều hơn các yếu tố đầu vào, các nguồn lực của sản xuất, trong khi năng suất và hiệu quả của các yếu tố sản xuất đó không thay đổi.

Tái sản xuất mở rộng theo chiều sâu là sự tăng lên của sản phẩm chủ yếu do tăng năng suất lao động và hiệu quả sử dụng các nguồn lực, còn các nguồn lực được sử dụng có thể không thay đổi, giảm, hoặc tăng lên, nhưng mức tăng của chúng nhỏ hơn mức tăng của năng suất lao động và hiệu quả sử dụng các nguồn lực đó trong sản xuất.

Các khâu của quá trình tái sản xuất xã hội

Tái sản xuất xã hội bao gồm các khâu: Sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng.

Trong các khâu của quá trình tái sản xuất, mỗi khâu có một vị trí nhất định, song giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ với nhau, trong đó khâu sản xuất là điểm xuất phát và có vai trò quyết định đối với các khâu tiếp theo. Tiêu dùng là mục đích của sản xuất, là điểm kết thúc; còn phân phối, trao đổi là khâu trung gian nối liền sản xuất với tiêu dùng.

Mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng

Sản xuất và tiêu dùng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. "Không có sản xuất thì không có tiêu dùng, nhưng không có tiêu dùng thì cũng chẳng có sản xuất, vì trong trường hợp đó sản xuất sẽ không có mục đích"

. *Sđđ*, t.12, tr. 865.

.

- Sản xuất là khâu mở đầu, trực tiếp tạo ra của cải vật chất, sản phẩm xã hội, phục vụ cho tiêu dùng. Sản xuất giữ vai trò quyết định đối với tiêu dùng bởi sản xuất tạo ra sản phẩm cho tiêu dùng. Quy mô và cơ cấu sản phẩm do sản xuất tạo ra quyết định quy mô và cơ cấu tiêu dùng; chất lượng và tính chất của sản phẩm quyết định chất lượng và phương thức tiêu dùng. Đúng như Mác viết: "Nhưng không phải sản xuất chỉ tạo ra vật phẩm cho tiêu dùng; nó cũng đem lại cho tiêu dùng tính xác định của nó, tính chất của nó, sự hoàn thiện của nó"

. *Sđđ*, tr. 866.

.

- Tiêu dùng là khâu cuối cùng kết thúc một quá trình tái sản xuất. Tiêu dùng có hai loại: tiêu dùng cho sản xuất và tiêu dùng cho cá nhân. Chỉ khi nào sản phẩm đi vào tiêu dùng, được tiêu dùng, thì nó mới hoàn thành chức năng là sản phẩm. Tiêu dùng tạo ra nhu cầu và mục đích của sản xuất. Trong nền kinh tế thị trường, người tiêu dùng là "thượng đế", là một căn cứ quan trọng để xác định khối lượng, cơ cấu, chất lượng sản phẩm xã hội. Sự phát triển đa dạng về nhu cầu của người tiêu dùng là động lực của sự phát triển sản xuất. Như vậy, với tư cách là mục đích, động lực của sản xuất, tiêu dùng có tác động trở lại đối với sản xuất.

Mối quan hệ giữa phân phối, trao đổi và sản xuất

C. Mác viết: "Vì *trao đổi* chỉ là một yếu tố trung gian, giữa một bên là sản xuất và phân phối do sản xuất quyết định, và bên kia là tiêu dùng, còn bản thân tiêu dùng thì thể hiện ra là một yếu tố của sản xuất, vì rõ ràng là trao đổi đã bao hàm trong sản xuất với tư cách là yếu tố của sản xuất"

. *Sđđ*, tr. 875.

- Phân phối bao gồm phân phối các yếu tố sản xuất và phân phối các sản phẩm, phân phối cho sản xuất và phân phối cho tiêu dùng cá nhân. Phân phối cho sản xuất là sự phân chia các yếu tố sản xuất (tư liệu sản xuất và người lao động) cho các ngành, các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm. Sự phân phối này, nếu chỉ xét một chu kỳ sản xuất riêng biệt, thì dường như là sự phân phối trước sản xuất, quyết định quy mô và cơ cấu sản xuất. Nhưng xét trong tính chất vận động liên tục của sản xuất, thì nó thuộc về quá trình sản xuất, do sản xuất quyết định. Phân phối cho tiêu dùng là sự phân chia sản phẩm cho các cá nhân tiêu dùng theo tỷ lệ đóng góp của họ vào việc tạo ra sản phẩm. Sự phân phối này là kết quả trực tiếp của sản xuất, do sản xuất quyết định, vì ta chỉ có thể phân phối những cái đã được sản xuất tạo ra.

Sản xuất quyết định phân phối trên các mặt: số lượng và chất lượng sản phẩm, đối tượng phân phối; quy mô và cơ cấu của sản xuất quyết định quy mô và cơ cấu của phân phối; quan hệ sản xuất quyết định quan hệ phân phối; tư cách của cá nhân tham gia vào sản xuất quyết định tư cách và hình thức của họ trong quan hệ phân phối.

Phân phối cũng tác động trở lại sản xuất. Nếu quan hệ phân phối tiến bộ, phù hợp sẽ tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất phát triển và ngược lại, quan hệ phân phối không phù hợp sẽ kìm hãm sự phát triển của sản xuất.

- Trao đổi bao gồm trao đổi hoạt động thực hiện trong quá trình sản xuất và trao đổi sản phẩm xã hội. Trao đổi sản phẩm là một khâu trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối với một bên là tiêu dùng. "Trao đổi chỉ độc lập đối với sản xuất, không dính

gì với sản xuất ở trong giai đoạn cuối cùng mà thôi, khi sản phẩm được trao đổi trực tiếp để tiêu dùng"

, 2. *Sđd*, tr. 875.

. Sự trao đổi này là sự kế tiếp của phân phối, đem lại cho cá nhân những sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình, "cường độ trao đổi, tính chất phổ biến cũng như hình thái trao đổi, là do sự phát triển và kết cấu của sản xuất quyết định"². Song, trao đổi cũng tác động trở lại đối với sản xuất và tiêu dùng khi nó phân phối lại, cung cấp sản phẩm cho sản xuất và tiêu dùng, nó sẽ thúc đẩy hay cản trở sản xuất và tiêu dùng.

Tóm lại, sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng thành một thể thống nhất của quá trình tái sản xuất. Chúng có quan hệ biện chứng với nhau, trong đó sản xuất là gốc, là cơ sở, là tiền đề đóng vai trò quyết định; tiêu dùng là động lực, là mục đích của sản xuất; phân phối và trao đổi là những khâu trung gian tác động mạnh mẽ đến sản xuất và tiêu dùng.

Nội dung cơ bản của tái sản xuất xã hội

Trong bất cứ xã hội nào, quá trình tái sản xuất cũng bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Tái sản xuất của cải vật chất, tái sản xuất sức lao động, tái sản xuất quan hệ sản xuất, tái sản xuất môi trường sinh thái.

Tái sản xuất của cải vật chất

Của cải vật chất được sản xuất bao gồm tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng, do vậy tái sản xuất của cải vật chất cũng có nghĩa là tái sản xuất tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. Trong đó, việc tái sản xuất tư liệu sản xuất có ý nghĩa quyết định đối với tái sản xuất tư liệu tiêu dùng. Tái sản xuất tư liệu sản xuất ngày càng được mở rộng và phát triển, thì càng tạo điều kiện cho việc mở rộng và phát triển tư liệu tiêu dùng. Việc tái sản xuất tư liệu tiêu dùng lại có ý nghĩa quyết định đối với tái sản xuất sức lao động của con người - lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội.

Việc tính toán, đánh giá kết quả tái sản xuất của cải vật chất của xã hội được xem xét trên cả hai mặt: hiện vật và giá trị. Nó được phản ánh qua các chỉ tiêu như: Tổng sản phẩm xã hội, tổng sản phẩm quốc dân (GNP) và tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Chẳng hạn, tổng sản phẩm xã hội xét về mặt hiện vật, nó bao gồm toàn bộ tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng; xét về mặt giá trị, nó bao gồm bộ phận giá trị tư liệu sản xuất bị tiêu dùng trong sản xuất và bộ phận giá trị mới (giá trị sức lao động và giá trị sản phẩm thặng dư do sức lao động tạo ra). Nếu ký hiệu: C là giá trị tư liệu sản xuất, V là trị sức lao động, M là giá trị của lao động thặng dư, thì công thức ký hiệu giá trị của tổng sản phẩm xã hội sẽ là: $C + V + M$.